

Số: 164/QĐ-ĐHNN

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành quy định quy đổi điểm các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành các bậc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Quyết định số 126/2004/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Căn cứ công văn số 826/TB-BGDĐT ngày 05/08/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông báo kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển về việc xác nhận các trường Đại học đủ năng lực rà soát năng lực ngoại ngữ cho các đơn vị có nhu cầu;

Căn cứ công văn số 5544/BGDĐT-QLCL ngày 06/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ đề nghị của Trường Khoa tiếng Anh, tiếng Pháp- tiếng Nga, tiếng Trung, NN&VH Nhật Bản, NN&VH Hàn Quốc;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Phó Trường phòng phụ trách phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định quy đổi điểm các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành các bậc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.



Điều 2. Quy định này được áp dụng tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế để xét chuẩn đầu ra cho sinh viên của Trường.

Điều 3. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 211/QĐ-ĐHNN ngày 2 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc Ban hành quy định quy đổi điểm các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành các bậc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

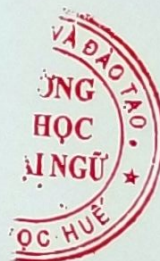
Điều 4. Các Ông/Bà trưởng các Khoa, Trưởng phòng Đào tạo, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng Giáo dục, Trưởng phòng Công tác sinh viên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, ĐT, KT-BĐCLGD.



Phạm Thị Hồng Nhung



QUY ĐỊNH

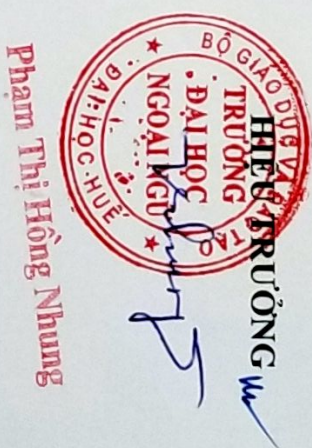
**Về việc quy đổi điểm các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế
thành các bậc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

(Kèm theo Quyết định số 164/QĐ-DHNN do Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế ký ngày 15 tháng 3 năm 2022)

TT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ quốc tế	Bậc 3/6 (tương đương B1)	Bậc 4/6 (tương đương B2)	Bậc 5/6 (tương đương C1)	Bậc 6/6 (tương đương C2)
		IELTS	4.5 - 5.0	5.5 - 6.5	7.0 - 8.0 (không có kỹ năng nào dưới 6.0)	8.5 - 9.0 (không có kỹ năng nào dưới 7.0)
		TOEFL iBT	42 - 71	72 - 94	95 - 113	114 (không có kỹ năng nào dưới 28)
1	Tiếng Anh	Cambridge ESOL	B2 First 140 - 159 B1 Preliminary 140 - 159 A2 Key 140 - 150	C1 Advanced 160 - 179 B2 First 160 - 179 B1 Preliminary 160 - 170	C2 Proficiency 180 - 199 C1 Advanced 180 - 199 B2 First 180 - 190	C2 Proficiency 200 - 230 C1 Advanced 200 - 210
		TOEIC				
		TOEIC Listening	275 - 395	400 - 485	490 - 495	(không có mức điểm tương đương)
		TOEIC Reading	275 - 380	385 - 450	455 - 495	
		TOEIC Speaking	120 - 150	160 - 170	180 - 200	
		TOEIC Writing	120 - 140	150 - 170	180 - 200	
		PTE Academic	43 - 58	59 - 75	76 - 84	85 - 90
2	Tiếng Nga	TRKI	TRKI-1 Cấp độ 1	TRKI-2 Cấp độ 2	TRKI-3 Cấp độ 3	TRKI-Cấp độ 4
3	Tiếng Pháp	DELF/DALF	DELF B1	DELF B2	DALF C1	DALF C2



4	Tiếng Trung	HSK & HSKK	HSK cấp 3 (180 điểm) + HSKK Trung cấp	HSK cấp 4 (180 điểm) + HSKK Trung cấp	HSK cấp 5 (180 điểm) + HSKK Cao cấp	HSK cấp 6 (180 điểm) + HSKK Cao cấp
5	Tiếng Hàn	TOPIK II	TOPIK II (cấp 3) (120 điểm)	TOPIK II (cấp 4) (150 điểm)	TOPIK II (cấp 5) (190 điểm)	TOPIK II (cấp 6) (230 điểm)
		JLPT	N3	N2 (từ 90 điểm)	N2 (từ 130 điểm)	N1
		TOPI	Trung cấp B	Trung cấp A	Cao cấp B	Cao cấp A
6	Tiếng Nhật	NAT-TEST	3 kyu	2 kyu (B)	2 kyu (A)	1 kyu



Phạm Thị Hồng Nhung

